

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 14-01-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng;

Bà Hoàng Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 211/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2025/QĐXX-ST ngày 08/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 506/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh N, sinh năm 1979; ĐKNKTT: Số 3 hẻm 29/39/14 phố K, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 6 hẻm 29/39/14 phố K, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Thế D, sinh năm 1977; ĐKNKTT: Số 3 hẻm 29/39/14 phố K, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Số 9 hẻm 29/39/14 phố K, phường Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025, bản tự khai ngày 05/9/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thanh N trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Trần Thế D kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2001 tại UBND phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (nay là phường Tương Mai, thành phố Hà Nội). Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Đến năm 2020, do chị N làm ăn thua lỗ nên chịu sự dằn vò, mắng chửi của anh D và gia đình, hai bên cũng đã nhiều lần bàn bạc để hàn gắn quan hệ

vợ chồng nhưng không có kết quả. Tháng 10/2024 chị N ra ngoài thuê nhà ở riêng. Anh D vẫn ở cùng với bố mẹ chị N. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần A, sinh ngày 10/11/2001 và Trần Phương L, sinh ngày 04/8/2007. Các con đã thành niên nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2025, bị đơn anh Trần Thế D trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Phạm Thanh N có đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì, vẫn chia sẻ với nhau bình thường. Quá trình anh D điều trị tại bệnh viện, chị N vẫn chăm sóc anh, anh chị không có mâu thuẫn gì trầm trọng để chị N phải ly hôn. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh chị vẫn có cuộc sống bình thường, chị N nên suy nghĩ lại cho thấu đáo.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang điều trị bệnh sức khỏe không tốt nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trần Thế D. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thế D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã có lời khai và đơn xin vắng mặt theo đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thanh N. Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Chị Phạm Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thanh N và anh Trần Thế D kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2001 tại UBND phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (nay là phường Tương Mai, thành phố Hà Nội) do vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh D đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 3 hẻm 29/39/14 phố K, phường Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 05/8/2025 chị N gửi đơn xin ly hôn anh D, yêu cầu của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2-Hà Nội theo quy định tại Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Bị đơn anh Trần Thế D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Qua xác minh tại địa phương cho thấy quá trình chung sống anh chị không chia sẻ, nhờ Tổ dân phố hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên Tổ dân phố không biết tình trạng hôn nhân của anh chị. Hiện chị Phạm Thanh N đã ra ngoài ở riêng. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không tham gia hòa giải, không đưa ra biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa, chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh chị hiện đã sống ly thân, không cùng nhau xây dựng cuộc sống chung nên mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn anh D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần A, sinh ngày 10/11/2001 và Trần Phương L, sinh ngày 04/8/2007. Các con chung đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thanh N. Chị Phạm Thanh N được ly hôn anh Trần Thế D.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần A, sinh ngày 10/11/2001 và Trần Phương L, sinh ngày 04/8/2007. Các con chung đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thanh N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thanh N đã nộp theo biên lai số 0004007 ngày 12/8/2025 tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 2- Hà Nội. Chị Phạm Thanh N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thanh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thế D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS khu vực 2- Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2- Hà Nội;
- UBND phường Tương Mai, Hà Nội
(GCN kết hôn số 29 ngày 07/5/2001 của
UBND phường Giáp Bát, Hai Bà Trưng,
Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy



